

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 132/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2013

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... 8529 ...
	Ngày: ... 17/10 ...

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình; thông tấn; thông tin đối ngoại; thông tin cơ sở và hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Chính phủ và các dự án, đề án theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm; chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động và các dự án, công trình quan trọng quốc gia, chương trình, đề án về cung cấp dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực; các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ.

3. Ban hành các thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

5. Về báo chí (bao gồm báo chí in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, bản tin thông tấn):

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới báo chí trong cả nước, văn phòng đại diện cơ quan thường trú ở nước ngoài của các cơ quan báo chí Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Tổ chức giao ban báo chí, quản lý thông tin của báo chí theo quy định của pháp luật về báo chí;

c) Tổ chức thực hiện quy chế người phát ngôn cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Ban hành quy chế tổ chức hội thi, liên hoan, hội thảo về báo chí;

đ) Quy định về báo lưu chiều, quản lý kho lưu chiều báo chí quốc gia;

e) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động báo chí; giấy phép xuất bản bản tin, đặc san, số phụ, phụ trương, chương trình đặc biệt, chương trình phụ; thẻ nhà báo; cấp phép cho báo chí xuất bản ở nước ngoài phát hành tại Việt Nam; chấp thuận việc hợp báo;

g) Hướng dẫn việc hoạt động của báo chí và nhà báo trong cả nước, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí của người nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

h) Thỏa thuận về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc các cơ quan báo chí;

i) Quy định tiêu chuẩn, chuyên môn, nghiệp vụ người đứng đầu cơ quan báo chí;

k) Quản lý các dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật.

6. Về xuất bản (bao gồm xuất bản, in, phát hành):

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm; chính sách về hoạt động xuất bản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Quy định chi tiết điều kiện thành lập các tổ chức hoạt động xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

c) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam; giấy phép đặt văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

d) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; giấy phép hoạt động in đối với sản phẩm phải cấp phép; giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài; giấy phép nhập khẩu thiết bị in; giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; quản lý việc công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài theo thẩm quyền;

đ) Xác nhận và quản lý đăng ký kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản, đăng ký hoạt động in đối với sản phẩm không phải cấp phép, đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu của cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm;

e) Tổ chức thẩm định xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra xuất bản phẩm lưu chiều và quản lý việc lưu chiều xuất bản phẩm; tổ chức việc đặt hàng và đưa xuất bản phẩm tới các địa bàn thuộc diện đầu tư ưu tiên của Nhà nước; tổ chức hội chợ xuất bản phẩm cấp quốc gia và quảng bá xuất bản phẩm ra nước ngoài theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định đình chỉ, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành và tiêu huỷ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật;

h) Cấp, gia hạn, thu hồi thẻ biên tập viên theo quy định của pháp luật;

i) Quản lý các hoạt động hỗ trợ xuất bản theo quy định của pháp luật;

k) Thoả thuận về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Tổng biên tập nhà xuất bản;

l) Quy định tiêu chuẩn, chuyên môn, nghiệp vụ người đứng đầu cơ quan xuất bản và biên tập viên của nhà xuất bản.

7. Về thông tin đối ngoại:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan thực hiện quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình về thông tin đối ngoại;

c) Hướng dẫn nội dung thông tin đối ngoại cho các cơ quan thông tấn, báo chí của Việt Nam; hướng dẫn các Sở Thông tin và Truyền thông quản lý về thông tin đối ngoại.

8. Về quảng cáo:

Thực hiện các nhiệm vụ về quản lý quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật; cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép ra kênh, chương trình quảng cáo đối với báo nói, báo hình.

9. Về bưu chính:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch, dự án, đề án, chương trình về bưu chính; cơ chế, chính sách về hoạt động bưu chính; danh mục dịch vụ bưu chính công ích và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp được chỉ định thực hiện cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của pháp luật;

b) Ban hành theo thẩm quyền giá cước dịch vụ bưu chính công ích, phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng; các quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động bưu chính;

c) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép nhập khẩu tem bưu chính, giấy phép bưu chính, xác nhận thông báo hoạt động bưu chính theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý về an toàn thông tin trong hoạt động bưu chính; về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bưu chính;

đ) Quy định và quản lý về tem bưu chính;

e) Quy định và quản lý về mạng bưu chính công cộng; việc cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

g) Quy định và quản lý về bộ mã bưu chính quốc gia, bộ mã số tem bưu chính Việt Nam;

h) Quy định và quản lý chất lượng, giá cước dịch vụ bưu chính.

10. Về viễn thông:

a) Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra thực hiện quy hoạch về phát triển viễn thông và Internet; cơ chế, chính sách phát triển viễn thông và Internet; quản lý thị trường viễn thông và tổ chức thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

b) Thẩm định nội dung các báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi các chương trình, dự án, đề án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông và Internet theo thẩm quyền;

c) Hướng dẫn và quản lý về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực viễn thông và Internet;

d) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật;

đ) Ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch, quy định quản lý kho số và tên miền, địa chỉ Internet; các quyết định phân bổ, thu hồi kho số và tên miền, địa chỉ Internet;

e) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý giá, cước các dịch vụ viễn thông và Internet; bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ viễn thông và Internet;

g) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý kết nối các mạng viễn thông;

h) Ban hành theo thẩm quyền tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm, thiết bị, mạng, dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông và Internet;

i) Quản lý việc thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

k) Hướng dẫn việc xây dựng và triển khai quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động;

l) Quản lý hệ thống đo kiểm chuyên ngành viễn thông;

m) Thiết lập, quản lý, vận hành, khai thác đảm bảo an toàn hệ thống máy chủ tên miền quốc gia, trạm trung chuyển Internet quốc gia.

11. Về tần số vô tuyến điện:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy hoạch truyền dẫn phát sóng; quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;